TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT
Ngày 05 - 3 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Túy Giang

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 151/2018/HNGĐ-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Tấn H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị đơn:* Chị Quách Tú Y, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1966
2. Ông Trương Văn D, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

3. Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn Đ; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

4. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

(Anh H có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Tấn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương vào tháng 11 năm 2009 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 15/6/2010.

Trong thời gian chung sống gần đây, anh chị ít nói chuyện với nhau, ở chung nhà nhưng ăn riêng nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Ngày 16/01/2018 vợ anh có gọi điện thoại kêu anh đến nhà mẹ vợ để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, sau đó vợ anh có về gom đồ về nhà mẹ vợ. Do tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và cũng không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Quách Tú Y, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng.

Bị đơn chị Quách Tú Y trình bày: Do anh H có qua lại với người phụ nữ khác nên vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có đánh nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh Trương Tấn H, chị yêu cầu được chia đôi giá trị đất và căn nhà.

Anh H và chị Y cùng thống nhất một số nội dung như sau:

- Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Trương Tường V, sinh ngày 01/6/2011 hiện đang sống chung với chị Y.

- Về tài sản chung thống nhất: Có 53 chỉ vàng 18k, 10 chỉ vàng 24k, anh H quản lý 23 chỉ vàng 18k và 10 chỉ vàng 24k, chị Y quản lý 30 chỉ vàng 18k. Tuy nhiên, anh H có đưa cho chị Y 10 chỉ vàng 24k bán để học nghề làm bánh.

- 01 chiếc xe hiệu SH Mode; 01 chiếc xe hiệu Jupiter; 01 bộ Salon bằng gỗ; 01 bộ Salon nệm; 01 tủ lạnh; 01 tủ để trưng bày điện thoại; 01 tivi hiệu Sony; 01 máy tính và máy in thiệp; 01 máy lạnh; 03 tủ do Mobi phone tặng; 02 tủ do Neushop tặng; điện thoại và các phụ tùng kèm theo điện thoại anh H và chị Y đã thỏa thuận tổng giá trị là 253.000.000 đồng; 01 căn nhà tường gắn liền với đất ngang 05m tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Về nợ chung: Anh, chị có nợ mẹ ruột anh H là bà Huỳnh Thị T 100.000.000 đồng. Anh, chị đồng ý chia đôi số nợ này trả cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D cùng thống nhất trình bày: Trước đây bà có cho vợ chồng anh H, chị Y mượn số tiền 100.000.000 đồng, không có làm giấy tờ. Nay anh H, chị Y ly hôn bà yêu cầu vợ chồng anh H, chị Y cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho bà.

Đối với căn nhà gắn liền với phần đất hiện anh H đang ở, nguồn gốc căn nhà và phần đất là của bà đứng ra sang và cất nhà cho anh H ở vào năm 2008, lúc đó

anh H chưa có vợ, do vợ chồng bà làm ăn xa nên cho anh H đứng tên trên giấy tờ để dễ dàng làm ăn. Đến năm 2010 bà cưới vợ cho anh H rồi cho vợ chồng anh H ở căn nhà này để buôn bán và thờ cúng ông nội. Việc anh H để tên chị Y đứng tên cùng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà không biết, nay anh H và chị Y ly hôn thì bà yêu cầu anh H và chị Y giao trả lại cho bà căn nhà và đất, bà đồng ý giao trả cho anh H và chị Y số tiền 60.000.000 đồng đã bỏ ra để cất thêm mái nhà trước.

Từ những nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 151/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

l. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trương Tấn H và chị Quách Tú Y.

2. Về nuôi con chung: Giao người con tên Trương Tường V, sinh ngày 01/6/2011 cho chị Quách Tú Y được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Buộc anh Trương Tấn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi người con tên Trương Tường V tròn 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và con chung:

3.1. Chia cho anh Trương Tấn H được tiếp tục quản lý sử dung căn nhà gắn liền với diện tích đất 96,3m^2 thuộc thửa số 211, tờ bản đồ số 72, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp năm 2010 cho hộ anh Trương Tấn H và chị Quách Tú Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tạm giao cho anh Trương Tấn H được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 53,2m^2 (có 1,2m^2 thuộc hành lang bảo lưu lộ giới). Đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Ngô Văn T cạnh dài 19,34 + 10,66

Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Mỹ D cạnh dài 19,74 + 10,77

Hướng Nam giáp đường nhựa cạnh dài 5,0m

Hướng Bắc giáp đất bà Ngô Thị N cạnh dài 4,9m

Anh Trương Tấn H có nghĩa vụ đến cơ quan chuyên môn đăng ký để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.2. Chia cho chị Quách Tú Y giá trị đất là 100.000.000 đồng. Buộc anh Trương Tấn H có trách nhiệm giao lại cho chị Quách Tú Y số tiền 100.000.000 đồng.

3.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D. Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D có nghĩa vụ giao lại cho anh Trương Tấn H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và giao lại cho chị Quách Tú Y số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

3.4. Về nợ chung: Buộc anh Trương Tấn H và chị Quách Tú Y mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D về việc đòi lại diện tích đất 97.6m^2 tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 72 do anh Trương Tấn H và chị Quách Thị Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về án phí. Cụ thể: Tính án phí có giá ngạch cho anh H, chị Y đối với giá trị tài sản được chia sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 151/2018/HNGĐ-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về tính án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm số 151/2018/HNGĐ-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc tính án phí có giá ngạch cho anh H, chị Y. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí và lệ phí Tòa án thì: *"Trường hợp đương sự đề nghị chia tài sản chung, chia di sản thừa kế mà cần xem xét thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với bên thứ ba từ tài sản chung, di sản thừa kế đó thì: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba.."*. Trong vụ án này, anh H, chị Y yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì anh, chị phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia với số tiền 180.000.000 đồng (giá trị đất và số tiền bà T, ông D tự nguyện giao trả cho anh, chị) sau khi trừ đi nghĩa vụ mà anh, chị mỗi người phải trả nợ cho ông D, bà T là 50.000.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định anh

H, chị Y phải chịu án phí đối với tài sản anh, chị được chia và nghĩa vụ tài sản bị buộc trả nhưng không được trừ nghĩa vụ trả nợ cho ông D, bà T là không đúng quy định pháp luật nêu trên và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh H, chị Y.

[3] Ngày 14 tháng 12 năm 2018, Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bán án số 151/2018/HNGĐ-ST ngày 05/12/2018 đối với nội dung tại phần nhận định và quyết định của bản án về án phí mà anh H, chị Y phải chịu. Xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai"*. Trong trường hợp này, quyết định có bổ sung việc trừ đi số tiền mà anh H, chị Y phải trả cho bà T, ông D trước khi tính án phí cho anh, chị. Tuy nhiên, tại phần nhận định của bản án đã thể hiện cụ thể nội dung *"...Án phí chia tài sản có giá ngạch anh H phải chịu đối với giá trị tài sản anh H được chia và nghĩa vụ về tài sản bị buộc trả" và "chị Y phải chịu đối với giá trị tài sản chị Y được chia và nghĩa vụ về tài sản bị buộc trả"*. Như vậy, bản án sơ thẩm đã thể hiện cụ thể nghĩa vụ chịu án phí của anh H, chị Y là bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ chứ không phải được trừ số tiền phải thực hiện nghĩa vụ nên nội dung sửa chữa trên của bản án không phải sửa do số liệu bị nhầm lẫn hoặc tính toán sai là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung quyết định sửa chữa, bổ sung bản án này của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 151/2018/HNGĐ-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

[5] Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên án phí chia tài sản có giá ngạch anh H, chị Y phải chịu như sau:

Anh H phải chịu đối với giá trị tài sản được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T, ông D là: [(150.000.000 đồng + 30.000.000 đồng) – 50.000.000 đồng] x 5% + (50.000.000 đồng x 5%) = 9.000.000 đồng.

Chị Y phải chịu đối với giá trị tài sản được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T, ông D là: [(100.000.000 đồng + 30.000.000 đồng) – 50.000.000 đồng] x 5% + (50.000.000 đồng x 5%) = 6.500.000 đồng.

[6] Nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết và có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 151/2018/HNGĐ-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về án phí có giá ngạch.

Tuyên xử:

l. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trương Tấn H và chị Quách Tú Y.

2. Về nuôi con chung: Giao người con tên Trương Tường V, sinh ngày 01/6/2011 cho chị Quách Tú Y được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Buộc anh Trương Tấn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi người con tên Trương Tường V tròn 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung:

3.1. Chia cho anh Trương Tấn H được tiếp tục quản lý sử dung căn nhà gắn liền với diện tích đất 96,3m^2 thuộc thửa số 211, tờ bản đồ số 72, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp năm 2010 cho hộ anh Trương Tấn H và chị Quách Tú Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tạm giao cho anh Trương Tấn H được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 53,2m^2 (có 1,2m^2 thuộc hành lang bảo lưu lộ giới). Đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Ngô Văn T cạnh dài 19,34m + 10,66m

Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Mỹ D cạnh dài 19,74m + 10,77m

Hướng Nam giáp đường nhựa cạnh dài 5,0m

Hướng Bắc giáp đất bà Ngô Thị N cạnh dài 4,9m

Anh Trương Tấn H có nghĩa vụ đến cơ quan chuyên môn đăng ký để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.2. Chia cho chị Quách Tú Y giá trị đất là 100.000.000 đồng. Buộc anh Trương Tấn H có trách nhiệm giao lại cho chị Quách Tú Y số tiền 100.000.000 đồng.

3.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D. Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D có nghĩa vụ trả lại cho anh Trương Tấn H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và trả lại cho chị Quách Tú Y số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

3.4. Về nợ chung: Buộc anh Trương Tấn H và chị Quách Tú Y mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn D về việc đòi lại diện tích đất 97.6m^2 tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 72 do anh Trương Tấn H và chị Quách Thị Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm anh Trương Tấn H phải chịu là 9.600.000 đồng (trong đó: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng phải chịu là 300.000 đồng, án phí có giá ngạch phải chịu là 9.000.000 đồng).

Anh Trương Tấn H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 6.200.000 đồng án phí chia tài sản có giá ngạch theo Biên lai thu số 0011072 ngày 09/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ. Anh Trương Tấn H phải nộp tiếp số tiền 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng);

5.2. Chị Quách Tú Y phải chịu án phí là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và lệ phí sao lục hồ sơ anh H và chị Y phải chịu 1.350.000 đồng. Anh H đã nộp tạm ứng 700.000 đồng và chị Y đã nộp tạm ứng 650.000 đồng đã chi hết.

7. Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

8. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Lê Thanh Hùng